

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

MỤC LỤC

| | |
|--|---------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế hoạch nhất toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 13 - 43 |
| 8. Phụ lục | 44 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- Điện thoại : (84-296) 3834060
- Fax : (84-296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn Thủy sản - Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến dầu cá và bột cá;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất điện năng lượng mặt trời;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin (nguyên liệu để sản xuất vỏ con nhộng chứa thuốc);
- Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|--------------|-------------------------------------|
| Ông Đỗ Lập Nghiệp | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020 |
| Ông Doãn Tới | Phó Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020 |
| Ông Doãn Chí Thanh | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Doãn Chí Thiên | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Ý | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019 |
| Bà Doãn Hải Phượng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2019 |
| Ông Trần Minh Cảnh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|------------------------|-------------------|---------------------------------------|
| Ông Doãn Tới | Tổng Giám đốc | Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020 |
| Bà Dương Thị Kim Hương | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007 |
| Ông Đỗ Lập Nghiệp | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011 |
| Ông Nguyễn Văn Vỹ | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 02 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Trần Minh Cảnh | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2020 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020).

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Trần Minh Cảnh - Phó Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Giấy ủy quyền số 400/GUQ-KTTC ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,
CHỦ TỊCH
Đỗ Lập Nghiệp



Ngày 26 tháng 3 năm 2022



Số: 1.0646/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 2.916.543.313.685 | 2.783.810.065.611 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 42.701.081.617 | 43.798.851.185 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.401.081.617 | 43.798.851.185 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 35.300.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 646.490.000.000 | 321.370.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 646.490.000.000 | 321.370.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 381.082.083.334 | 431.621.691.451 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 333.325.402.073 | 334.320.441.326 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 27.315.356.227 | 74.683.585.139 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | - | 504.000.000 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6a | 35.141.776.906 | 36.791.129.867 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.7 | (14.700.451.872) | (14.677.464.881) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.779.610.449.264 | 1.900.267.458.623 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.8 | 1.783.465.697.424 | 1.904.336.768.761 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (3.855.248.160) | (4.069.310.138) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 66.659.699.470 | 86.752.064.352 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9a | 11.362.399.484 | 8.863.679.179 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 55.297.299.986 | 77.888.385.173 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 1.970.636.527.255 | 2.050.269.593.712 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 13.011.730.352 | 10.697.730.352 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5 | 150.000.000 | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6b | 12.861.730.352 | 10.697.730.352 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.046.146.504.946 | 1.019.112.911.015 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 553.401.717.110 | 590.793.439.988 |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.584.024.277.729 | 1.543.954.041.612 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (1.030.622.560.619) | (953.160.601.624) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.11 | 248.506.968.955 | 181.114.894.180 |
| - Nguyên giá | 225 | | 279.980.613.422 | 190.695.705.337 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (31.473.644.467) | (9.580.811.157) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 244.237.818.881 | 247.204.576.847 |
| - Nguyên giá | 228 | | 263.021.971.486 | 263.142.512.253 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (18.784.152.605) | (15.937.935.406) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 778.531.417.988 | 783.849.666.384 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.13 | 778.531.417.988 | 783.849.666.384 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 30.189.824.516 | 147.052.066.768 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | V.2b | 23.056.019.946 | 22.947.678.199 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2c | 20.304.000.000 | 143.904.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.2c | (13.170.195.430) | (19.799.611.431) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 102.757.049.453 | 89.557.219.193 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.9b | 97.918.620.976 | 84.723.969.193 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.14 | 4.838.428.477 | 4.833.250.000 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 4.887.179.840.940 | 4.834.079.659.323 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.551.594.214.788 | 2.500.105.355.903 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.336.515.879.518 | 2.338.994.193.517 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.15 | 197.615.247.141 | 431.810.026.056 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.16 | 44.578.102.703 | 14.176.728.584 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.17 | 19.123.751.904 | 45.773.506.693 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.18 | 56.068.572.077 | 49.201.085.069 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.19 | 7.309.076.735 | 8.231.951.610 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 139.321.513 | 141.845.950 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20 | 173.800.365.465 | 107.724.693.490 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.21a | 1.837.513.462.675 | 1.681.501.376.760 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.22 | 367.979.305 | 432.979.305 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 215.078.335.270 | 161.111.162.386 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | 1.007.142.384 | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.21b | 210.258.315.036 | 159.001.743.651 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | V.23 | 3.812.877.850 | 2.109.418.735 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 2.335.585.626.152 | 2.333.974.303.420 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 2.335.585.626.152 | 2.333.974.303.420 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.24 | 1.275.396.250.000 | 1.275.396.250.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 1.275.396.250.000 | 1.275.396.250.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.24 | 21.489.209.100 | 21.489.209.100 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | V.24 | (27.587.629.848) | (27.587.629.848) |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.24 | 1.066.287.796.900 | 1.064.676.474.168 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 937.548.599.168 | 1.064.676.474.168 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 128.739.197.732 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.887.179.840.940 | 4.834.079.659.323 |

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022


Cao Thi Kim Thoi
Người lập


Huỳnh Thị Kim Thoa
Giám đốc tài chính


Trần Minh Cảnh
P. Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

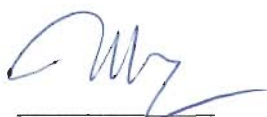
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

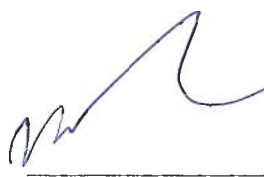
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

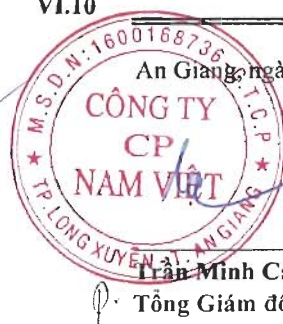
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 3.504.425.921.790 | 3.477.498.386.090 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 10.499.600.516 | 38.834.026.406 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 3.493.926.321.274 | 3.438.664.359.684 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 2.940.612.855.979 | 2.953.993.101.824 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 553.313.465.295 | 484.671.257.860 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 41.027.271.027 | 42.934.983.445 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 115.345.794.726 | 80.030.865.651 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 102.959.352.877 | 61.916.606.514 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | V.2b | 108.341.747 | (292.321.801) |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 280.956.940.056 | 185.263.413.739 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 56.474.052.865 | 56.561.834.630 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 141.672.290.422 | 205.457.805.484 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 10.150.550.944 | 35.047.702.141 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 381.477.344 | 873.665.396 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 9.769.073.600 | 34.174.036.745 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 151.441.364.022 | 239.631.842.229 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.17 | 21.003.885.652 | 39.060.382.565 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.14, V.23 | 1.698.280.638 | (1.598.831.265) |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>128.739.197.732</u> | <u>202.170.290.929</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 128.739.197.732 | 202.170.290.929 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | - | - |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | <u>1.013</u> | <u>1.590</u> |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | <u>1.013</u> | <u>1.590</u> |


Cao Thi Kim Thor
Người lập


Huỳnh Thị Kim Thoa
Giám đốc tài chính



An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022


Trần Minh Cảnh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 151.441.364.022 | 239.631.842.229 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.10, V.11, V.12 | 122.889.821.438 | 89.772.285.186 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.2, V.7, V.8 | 595.509.012 | 13.225.423.868 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4, VI.5 | 1.977.941.031 | (1.104.763.560) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | V.2b, VI.4, VI.5, VI.8 | (23.611.511.719) | (30.505.383.197) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 102.959.352.877 | 61.916.606.514 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 356.252.476.661 | 372.936.011.040 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 34.849.337.365 | (583.060.493.094) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 120.871.071.337 | (317.021.091.919) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (111.451.377.871) | 689.893.900.968 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (375.311.970) | (7.291.368.471) |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.19, VI.5 | (102.662.250.748) | (62.170.079.706) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.17 | (46.949.495.499) | (122.763.543.492) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | V.22 | (65.000.000) | (55.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 250.469.449.275 | (29.531.664.674) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.10, V.11, V.13, VII | (238.132.640.804) | (604.994.747.157) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | V.9, V.10, V.12, VI.8, V.II | 114.250.798.916 | 126.005.596.053 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | V.2a, V.5 | (1.083.883.462.027) | (567.170.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | V.2a, V.5 | 759.117.462.027 | 830.886.406.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | (23.240.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | V.2, V.6, VI.5 | 125.026.143.290 | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.6, VI.4 | 23.291.243.048 | 33.135.078.772 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (300.330.455.550) | (205.377.666.332) |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------------|-------------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.21, V.II | 4.740.806.006.826 | 3.861.664.863.115 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.21 | (4.589.679.032.000) | (3.417.294.881.699) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.21 | (36.099.447.685) | (31.973.927.272) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.20, V.24 | (66.196.903.789) | (158.139.811.265) |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <u><i>48.830.623.352</i></u> | <u><i>254.256.242.879</i></u> |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (1.030.382.923) | 19.346.911.873 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 43.798.851.185 | 24.589.646.497 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (67.386.645) | (137.707.185) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | <u>42.701.081.617</u> | <u>43.798.851.185</u> |

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022

Cao Thi Kim Thoa
Người lập

Huỳnh Thị Kim Thoa
Giám đốc tài chính



Trần Minh Cảnh
Tổng Giám đốc

044
ÔNG
NHIỆM
DÂN V
&
-T.P



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn nói riêng do:

- Các địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 và Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.
- Tập đoàn đã phải áp dụng phương án sản xuất “3 tại chỗ” trong thời gian từ tháng 07/2021 đến tháng 10/2021 và “1 cung đường, 2 điểm đến” trong tháng 11/2021 nhằm duy trì hoạt động sản xuất của Tập đoàn, đảm bảo giao hàng đúng tiến độ của các đơn hàng đã ký và đảm bảo việc làm cho người lao động nên chi phí vận hành, chi phí ăn, ở và nhu yếu phẩm cho người lao động thực hiện “3 tại chỗ”, chi phí test nhanh để kiểm soát dịch bệnh tại các công ty trong Tập đoàn và chi phí phát sinh cá dưới ao trong thời gian giãn cách xã hội không thu hoạch được rất lớn. Lực lượng lao động thiếu hụt do nghỉ việc, cung ứng nguyên vật liệu bị gián đoạn nên nhiều trường hợp không thể hoàn thành đơn hàng đúng hạn hoặc hủy bỏ hợp đồng.
- Tập đoàn phải chịu ảnh hưởng đáng kể của sự tăng giá cước vận chuyển cho hàng xuất khẩu.

Các yếu tố trên đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Tập đoàn trong năm như sau:

Giá vốn hàng bán

- Chi phí ăn uống, nhu yếu phẩm phục vụ 3 tại chỗ 11.072.850.923

- Chi phí hỗ trợ người lao động ở 3 tại chỗ 9.307.093.975

Chi phí bán hàng

- Chi phí cước tàu, cước vận chuyển,... 95.693.526.317

Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí test covid cho người lao động 3.694.478.752

Ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh

119.767.949.967

115.C
TY
HỮU HẠ
TỰ V
C
Ồ CH

M.S.D.N.
TP. LONG XUYỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

| Tên công ty | Địa chỉ trụ sở chính | Hoạt động kinh doanh chính | Tỷ lệ lợi ích | | Tỷ lệ quyền biểu quyết | |
|--|---|---|---------------|------------|------------------------|------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương | Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ | Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú | 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang | Nuôi trồng thủy sản nội địa | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar | 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang | Sản xuất điện năng lượng mặt trời | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar | 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang | Sản xuất điện năng lượng mặt trời | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar | 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang | Sản xuất điện năng lượng mặt trời | 100% | 100% | 100% | 100% |
| Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt | 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ | 100% | 100% | 100% | 100% |

6c. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 30 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 16 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 |
| Tài sản cố định hữu hình khác | 04 - 18 |

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 04 - 16 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.



37

T

Ệ

5.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Công ty và Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 322.432.480 | 791.140.261 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.078.649.137 | 43.007.710.924 |
| Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng) | 35.300.000.000 | - |
| Cộng | 42.701.081.617 | 43.798.851.185 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền là 603.190.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam, Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng BPCE IOM (xem thuyết minh số V.21) và thực hiện hợp đồng với Điện lực Châu Phú.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá gốc | 23.240.000.000 | 23.240.000.000 |
| Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư | (183.980.054) | (292.321.801) |
| Cộng | <u>23.056.019.946</u> | <u>22.947.678.199</u> |

Tập đoàn đã đầu tư vào Công ty TNHH Amicogen Nam Việt 23.240.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 22.947.678.199 | - |
| Góp vốn | - | 23.240.000.000 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong năm | 108.341.747 | (292.321.801) |
| Số cuối năm | <u>23.056.019.946</u> | <u>22.947.678.199</u> |

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt chưa đi vào hoạt động, đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.

Giao dịch với các công ty liên doanh

Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|----------------|------------------|
| Góp vốn | - | 23.240.000.000 |
| Vay | - | 46.300.000.000 |
| Chi hộ | - | 3.000.000 |
| Doanh thu thi công công trình | 2.123.375.678 | - |
| Doanh thu cho thuê | 46.900.000 | - |

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Dự phòng</u> |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB) | - | - | 123.600.000.000 | (7.416.000.000) |
| Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa | 20.304.000.000 | (13.170.195.430) | 20.304.000.000 | (12.383.611.431) |
| Cộng | <u>20.304.000.000</u> | <u>(13.170.195.430)</u> | <u>143.904.000.000</u> | <u>(19.799.611.431)</u> |

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 19.799.611.431 | 11.169.517.236 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 786.583.999 | 8.630.094.195 |
| Xóa số do nhượng bán đầu tư | (7.416.000.000) | - |
| Số cuối năm | <u>13.170.195.430</u> | <u>19.799.611.431</u> |

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>1.136.392.231</i> | <i>4.377.777.307</i> |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed | - | 4.205.100.030 |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | 1.136.392.231 | 172.677.277 |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> | <i>332.189.009.842</i> | <i>329.942.664.019</i> |
| Các khách hàng nước ngoài | 288.335.160.218 | 262.103.164.437 |
| Các khách hàng trong nước | 43.853.849.624 | 67.839.499.582 |
| Cộng | <u>333.325.402.073</u> | <u>334.320.441.326</u> |

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước cho bên liên quan</i> | <i>12.703.810.162</i> | <i>7.073.068.366</i> |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | 12.703.810.162 | 7.073.068.366 |
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> | <i>14.611.546.065</i> | <i>67.610.516.773</i> |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 457.690.850 | - |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Á Đông | - | 55.000.000.000 |
| Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá | 1.664.053.500 | - |
| Các nhà cung cấp trong nước khác | 12.489.801.715 | 12.610.516.773 |
| Cộng | <u>27.315.356.227</u> | <u>74.683.585.139</u> |

5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản cho Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung vay.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Dự phòng</u> |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>300.000.000</i> | <i>-</i> | <i>85.679.490</i> | <i>-</i> |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed - Lãi trả chậm | - | - | 85.679.490 | - |
| Công ty TNHH Amicogen Nam Việt – Ký quỹ | 300.000.000 | - | - | - |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> | <i>34.841.776.906</i> | <i>(494.205.315)</i> | <i>36.705.450.377</i> | <i>(244.996.212)</i> |
| Tạm ứng | 11.649.392.823 | (494.205.315) | 10.815.230.124 | - |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 8.367.162.638 | - | 6.445.798.853 | - |
| Tiền lãi cho vay | 710.137 | - | 244.996.212 | (244.996.212) |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 32.780.000 | - | 30.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Tiền bán cổ phiếu phải thu | - | - | 10.704.400.890 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 14.791.731.308 | - | 8.465.024.298 | - |
| Cộng | <u>35.141.776.906</u> | <u>(494.205.315)</u> | <u>36.791.129.867</u> | <u>(244.996.212)</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

7. Nợ xấu

| Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Số đầu năm | | |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|---|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| Phải thu tiền bán hàng | 30.107.447.082 | 15.901.200.525 | 24.043.687.132 | 10.111.218.463 | |
| Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 22.329.400.000 | 15.630.580.000 | 3.911.452.188 | 2.738.016.531 | |
| Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 357.761.250 | 178.880.625 | 12.535.589.779 | 6.267.794.890 | |
| Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm | 305.799.667 | 91.739.900 | 3.684.690.141 | 1.105.407.042 | |
| Quá hạn trên 03 năm | 7.114.486.165 | - | 3.911.955.024 | - | |
| Phải thu cho vay | - | - | 500.000.000 | - | |
| | - | - | Quá hạn trên 03 năm | 500.000.000 | - |
| Phải thu khác | 988.410.630 | 494.205.315 | 244.996.212 | - | |
| Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm | 988.410.630 | 494.205.315 | Quá hạn trên 03 năm | 244.996.212 | - |
| Cộng | 31.095.857.712 | 16.395.405.840 | 24.788.683.344 | 10.111.218.463 | |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 14.677.464.881 | 11.810.039.349 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 22.986.991 | 4.439.296.361 |
| Xóa nợ | - | (1.571.870.829) |
| Số cuối năm | 14.700.451.872 | 14.677.464.881 |

8. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Hàng mua đang đi trên đường | 6.315.692.000 | - | 12.171.002.080 | - |
| Nguyên liệu, vật liệu | 186.803.389.087 | - | 208.399.436.335 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 6.769.967.544 | - | 7.309.586.853 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 1.079.661.107.729 | - | 1.003.185.247.946 | - |
| Thành phẩm | 437.118.654.403 | (3.855.248.160) | 650.549.681.589 | (4.069.310.138) |
| Hàng gửi đi bán | 66.796.886.661 | - | 22.721.813.958 | - |
| Cộng | 1.783.465.697.424 | (3.855.248.160) | 1.904.336.768.761 | (4.069.310.138) |

Hàng tồn kho có trị giá 130.514.428.089 VND (số đầu năm là 143.646.253.679 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 4.069.310.138 | 3.913.276.826 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng | (214.061.978) | 156.033.312 |
| Số cuối năm | <u>3.855.248.160</u> | <u>4.069.310.138</u> |

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| Tiền thuê đất | 1.248.733.333 | 2.844.566.669 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.763.494.066 | 1.380.873.431 |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | 8.350.172.085 | 4.638.239.079 |
| Cộng | <u>11.362.399.484</u> | <u>8.863.679.179</u> |

9b. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tiền thuê đất | 55.852.557.158 | 57.605.132.606 |
| Công cụ, dụng cụ | 3.824.505.966 | 319.648.252 |
| Chi phí sửa chữa | 3.882.808.529 | 4.525.599.164 |
| Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại (*) | 20.315.633.346 | 5.562.317.335 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 14.043.115.977 | 16.711.271.836 |
| Cộng | <u>97.918.620.976</u> | <u>84.723.969.193</u> |

(*) Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính phát sinh trong năm là 15.318.060.118 VND.

10. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền đẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|---|-------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 354.878.546.666 | 994.257.322.806 | 93.169.189.468 | 12.622.599.073 | 89.026.383.599 | 1.543.954.041.612 |
| Mua trong năm | 210.000.000 | 41.098.290.534 | 6.121.167.091 | 399.795.454 | - | 47.829.253.079 |
| Đầu tư XD/CB hoàn thành | 14.490.774.881 | 51.982.397.596 | 38.268.112.553 | 1.584.072.927 | 1.597.343.737 | 107.922.701.694 |
| Tặng khác (*) | - | - | - | - | 13.285.417.302 | 13.285.417.302 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (122.656.610.606) | (6.182.890.238) | (127.635.114) | - | (128.967.135.958) |
| Số cuối năm | <u>369.579.321.547</u> | <u>964.681.400.330</u> | <u>131.375.578.874</u> | <u>14.478.832.340</u> | <u>103.909.144.638</u> | <u>1.584.024.277.729</u> |
| Trong đó: | | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 244.349.446.128 | 460.176.007.461 | 42.370.170.607 | 7.632.997.975 | 429.214.646 | 754.957.836.817 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 281.562.793.317 | 572.378.203.256 | 63.268.457.615 | 9.585.055.286 | 26.366.092.150 | 953.160.601.624 |
| Khấu hao trong năm | 14.041.907.386 | 60.918.975.341 | 12.469.579.553 | 1.188.469.689 | 9.492.584.360 | 98.111.516.329 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (14.569.401.926) | (5.952.520.294) | (127.635.114) | - | (20.649.557.334) |
| Số cuối năm | <u>295.604.700.703</u> | <u>618.727.776.671</u> | <u>69.785.516.874</u> | <u>10.645.889.861</u> | <u>35.858.676.510</u> | <u>1.030.622.560.619</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Cộng |
|------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------------------|------------------------|
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 73.315.753.349 | 421.879.119.550 | 29.900.731.853 | 3.037.543.787 | 62.660.291.449 | 590.793.439.988 |
| Số cuối năm | 73.974.620.844 | 345.953.623.659 | 61.590.062.000 | 3.832.942.479 | 68.050.468.128 | 553.401.717.110 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 182.644.333.722 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.21).

(*) Thuế giá trị gia tăng trong giai đoạn xây dựng cơ bản không được khấu trừ kết chuyển tăng tài sản cố định khác tại Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình phước.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Nguyên giá | Giá trị hao mòn | Giá trị còn lại |
|--------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 190.695.705.337 | 9.580.811.157 | 181.114.894.180 |
| Thuê tài chính trong năm | 89.284.908.085 | | |
| Khấu hao trong năm | | 21.892.833.310 | |
| Số cuối năm | 279.980.613.422 | 31.473.644.467 | 248.506.968.955 |

12. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|--------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 262.822.266.653 | 320.245.600 | 263.142.512.253 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (39.254.600) | (39.254.600) |
| Giảm do Nhà nước thu hồi | (81.286.167) | - | (81.286.167) |
| Số cuối năm | 262.740.980.486 | 280.991.000 | 263.021.971.486 |

Trong đó:

| | | | |
|---------------------------------------|-------------|-------------|-------------|
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 643.380.000 | 280.991.000 | 924.371.000 |
|---------------------------------------|-------------|-------------|-------------|

Giá trị hao mòn

| | | | |
|----------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 15.617.689.806 | 320.245.600 | 15.937.935.406 |
| Khấu hao trong năm | 2.885.471.799 | - | 2.885.471.799 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (39.254.600) | (39.254.600) |
| Số cuối năm | 18.503.161.605 | 280.991.000 | 18.784.152.605 |

Giá trị còn lại

| | | | |
|-------------|------------------------|---|------------------------|
| Số đầu năm | 247.204.576.847 | - | 247.204.576.847 |
| Số cuối năm | 244.237.818.881 | - | 244.237.818.881 |

Trong đó:

| | | | |
|------------------------|---|---|---|
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 103.664.809.048 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | Kết chuyển giảm khác | Số cuối năm |
|---|------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| <i>Mua sắm tài sản cố định</i> | <i>47.981.118.271</i> | <i>14.467.378.526</i> | <i>(43.265.166.117)</i> | <i>(457.064.504)</i> | <i>18.726.266.176</i> |
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i> | <i>719.762.738.784</i> | <i>135.540.968.680</i> | <i>(107.922.701.694)</i> | <i>(4.778.968.810)</i> | <i>742.602.036.960</i> |
| Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú | 617.085.580.445 | 31.842.437.888 | (70.115.310.177) | (2.447.190.295) | 576.365.517.861 |
| Tiền mua đất (*) | 544.261.187.258 | 21.022.360.005 | - | (109.620.000) | 565.173.927.263 |
| <i>Chi phí xây dựng các hạng mục công trình</i> | <i>72.336.877.060</i> | <i>9.057.707.881</i> | <i>(68.517.966.440)</i> | <i>(2.337.570.295)</i> | <i>10.539.048.206</i> |
| <i>Chi phí đào ao</i> | <i>359.140.384</i> | <i>1.762.370.002</i> | <i>(1.468.967.994)</i> | - | <i>652.542.392</i> |
| <i>Chi phí quản lý và chi phí khác</i> | <i>128.375.743</i> | - | <i>(128.375.743)</i> | - | - |
| Dự án các khu nuôi trồng thủy sản khác - Đất | 66.345.593.554 | 88.859.643.602 | - | - | 155.205.237.156 |
| Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản | 2.399.273.067 | 459.445.739 | (243.820.979) | (488.911.012) | 2.125.986.815 |
| Nhà máy chế biến thức ăn | 1.578.354.816 | 179.008.215 | (1.497.904.499) | - | 259.458.532 |
| Dự án hệ thống điện năng lượng mặt trời | 26.781.468.616 | 12.161.968.617 | (31.805.857.598) | (1.385.768.271) | 5.751.811.364 |
| Các hạng mục khác | 5.572.468.286 | 2.038.464.619 | (4.259.808.441) | (457.099.232) | 2.894.025.232 |
| <i>Sửa chữa lớn tài sản cố định</i> | <i>16.105.809.329</i> | <i>3.315.127.816</i> | - | <i>(2.217.822.293)</i> | <i>17.203.114.852</i> |
| Cộng | 783.849.666.384 | 153.323.475.022 | (151.187.867.811) | (7.453.855.607) | 778.531.417.988 |

(*) Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú mua lại quyền sử dụng đất của các hộ dân. Một số thửa đất có giá trị là 182.814.490.000 VND đã chuyển sang tên của các cá nhân được Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú ủy quyền, đồng thời dùng để thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 4.833.250.000 | 1.125.000.000 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 5.178.477 | 3.708.250.000 |
| Số cuối năm | 4.838.428.477 | 4.833.250.000 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15% - 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các bên liên quan</i> | <i>1.879.935.804</i> | <i>680.913.614</i> |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | 1.879.935.804 | 673.913.614 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed | - | 7.000.000 |
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> | <i>195.735.311.337</i> | <i>431.129.112.442</i> |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 7.831.853.088 | 158.700.204.087 |
| Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá | 2.808.254.300 | - |
| Các nhà cung cấp trong nước | 185.095.203.949 | 272.428.908.355 |
| Cộng | 197.615.247.141 | 431.810.026.056 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------------|------------------------------|
| <i>Trả trước của bên liên quan</i> | <i>11.056.568.772</i> | - |
| Công ty TNHH Amicogen Nam Việt | 11.056.568.772 | - |
| <i>Trả trước của các khách hàng khác</i> | <i>33.521.533.931</i> | <i>14.176.728.584</i> |
| Các khách hàng trong nước | 19.957.957.365 | 8.982.606.972 |
| Các khách hàng nước ngoài | 13.563.576.566 | 5.194.121.612 |
| Cộng | <u>44.578.102.703</u> | <u>14.176.728.584</u> |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số cuối năm |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 3.491.794.515 | 28.393.166.142 | (28.970.335.010) | 2.914.625.647 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 607.182.503 | (607.182.503) | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 115.132.661 | (115.132.661) | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 39.061.622.117 | 21.003.885.652 | (46.949.495.499) | 13.116.012.270 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.143.402.141 | 6.989.851.348 | (7.173.316.728) | 2.959.936.761 |
| Thuế tài nguyên | 7.377.920 | 96.726.800 | (91.444.160) | 12.660.560 |
| Tiền thuê đất | 69.310.000 | 72.310.000 | (21.103.334) | 120.516.666 |
| Thuê môn bài | - | 20.000.000 | (20.000.000) | - |
| Cộng | <u>45.773.506.693</u> | <u>57.298.255.106</u> | <u>(83.948.009.895)</u> | <u>19.123.751.904</u> |

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu
 - + Công ty tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân Không chịu thuế
 - + Công ty mua ngoài bán cho tổ chức Không kê khai
 - + Công ty mua ngoài bán cho cá nhân 5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, các công ty trong Tập đoàn có doanh thu dưới 200 triệu VND được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2021 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 20.338.945.391 | 39.075.347.381 |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 664.940.261 | (14.964.816) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp | <u>21.003.885.652</u> | <u>39.060.382.565</u> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.000 VND/m³ x 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải trả bên liên quan | <u>216.986.301</u> | <u>192.860.712</u> |
| Bà Dương Thị Kim Hương - Chi phí lãi vay | 216.986.301 | - |
| Ông Doãn Chí Thanh - Chi phí lãi vay | - | 192.860.712 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | <u>7.092.090.434</u> | <u>8.039.090.898</u> |
| Chi phí lãi vay | 2.011.501.340 | 1.738.524.800 |
| Chi phí cước tàu | 1.855.592.000 | 670.600.000 |
| Chi phí hoa hồng môi giới | 2.912.629.094 | 5.342.266.098 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 312.368.000 | 287.700.000 |
| Cộng | <u>7.309.076.735</u> | <u>8.231.951.610</u> |

20. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | <u>156.786.578.947</u> | <u>95.898.069.735</u> |
| Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả | 139.566.578.947 | 91.767.894.735 |
| Ông Doãn Chí Thanh - Cổ tức phải trả | 17.160.000.000 | - |
| Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả | 60.000.000 | 4.130.175.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 17.013.786.518 | 11.826.623.755 |
| Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 7.313.753.259 | 4.858.510.079 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 2.417.530.000 | 2.804.430.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 2.100.981.099 | 2.058.519.100 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 5.181.522.160 | 2.105.164.576 |
| Cộng | 173.800.365.465 | 107.724.693.490 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i> | 510.110.473.400 | 338.327.223.400 |
| Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(a) | 40.000.000.000 | 125.000.000.000 |
| Vay Ông Doãn Tới ^(b) | 470.110.473.400 | 95.577.223.400 |
| Vay Ông Doãn Chí Thanh | - | 55.000.000.000 |
| Vay Ông Doãn Chí Thiên | - | 17.000.000.000 |
| Công ty TNHH Amicogen Nam Việt | - | 45.750.000.000 |
| <i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i> | 1.327.402.989.275 | 1.343.174.153.360 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.239.577.442.880 | 1.286.587.943.387 |
| Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(c) | 264.497.902.879 | 639.439.740.658 |
| Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội | - | 63.900.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(d) | 125.110.555.090 | 219.046.300.880 |
| Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(e) | 113.396.408.100 | 89.784.434.869 |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân đội | - | 9.754.912.290 |
| Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ^(f) | 88.518.988.200 | 127.227.870.000 |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam ^(g) | 456.627.479.650 | 137.434.684.690 |
| Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông ^(h) | 78.624.432.250 | - |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam ⁽ⁱ⁾ | 68.295.000.000 | - |
| Vay Ngân hàng TNHH CTBC ^(j) | 8.896.822.712 | - |
| Vay Ngân hàng BPCE IOM ^(k) | 23.925.378.400 | - |
| Vay Ngân hàng Chính sách Xã Hội Quận Thốt Nốt ^(l) | 11.684.475.599 | - |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 5.733.808.210 | 2.540.808.210 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(m) | 15.300.000.000 | 12.800.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b) | 19.101.519.996 | 9.101.520.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b) | 47.690.218.189 | 32.143.881.763 |
| Cộng | 1.837.513.462.675 | 1.681.501.376.760 |

(a) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 11 tháng.

(b) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8), quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12), quyền sử dụng đất của Công ty MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú đang ủy quyền cho các cá nhân đứng tên (xem thuyết minh số V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 08 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (e) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2).
- (j) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC không có tài sản đảm bảo để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng.
- (k) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (l) Khoản vay Ngân hàng Chính sách Xã hội Quận Thốt Nốt để trả lương phục hồi sản xuất tháng với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay 11 tháng.
- (m) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ông Đỗ Thanh Xuân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 05 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ thuê tài chính dài hạn | Chênh lệch tỷ giá | Số tiền vay đã trả trong năm | Số cuối năm |
|-------------------------------|--------------------------|---------------------------------|--|--------------------|------------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 1.286.587.943.387 | 4.087.679.756.826 | - | 801.921.335 | (4.135.492.178.668) | 1.239.577.442.880 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức | 48.290.808.210 | 5.090.000.000 | | | (47.647.000.000) | 5.733.808.210 |
| Vay ngắn hạn cá nhân | 305.377.223.400 | 597.836.250.000 | | | (377.803.000.000) | 525.410.473.400 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 9.101.520.000 | 10.000.000.008 | 12.434.853.320 | | (12.434.853.332) | 19.101.519.996 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 32.143.881.763 | 2.964.034.824 | 47.443.215.287 | | (34.860.913.685) | 47.690.218.189 |
| Cộng | 1.681.501.376.760 | 4.703.570.041.658 | 59.878.068.607 | 801.921.335 | (4.608.237.945.685) | 1.837.513.462.675 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn phải trả bên liên quan | - | 16.302.000.000 |
| Vay Ông Doãn Chí Thanh | - | 16.302.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác | 210.258.315.036 | 142.699.743.651 |
| Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾ | 82.163.626.672 | 54.598.480.000 |
| Vay Ngân hàng TMCP Phương Đông – CN Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾ | 45.496.960.000 | 54.598.480.000 |
| Vay Ngân hàng United Overseas Bank ⁽ⁱⁱ⁾ | 36.666.666.672 | - |
| Vay dài hạn cá nhân | 200.000.000 | - |
| Nợ thuê tài chính | 127.894.688.364 | 88.101.263.651 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị | 71.982.600.908 | 23.729.089.235 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị | 43.347.500.530 | 39.279.301.136 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị | 4.085.421.363 | 11.988.708.313 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị | 8.479.165.563 | 13.104.164.967 |
| Cộng | 210.258.315.036 | 159.001.743.651 |

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông để bù đắp chi phí đầu tư với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị là các hệ thống điện mặt trời áp mái (xem thuyết minh số V.10).

(ii) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để tái tài trợ lên đến 60% chi phí mua thiết bị, dụng cụ, chi phí xây dựng và các chi phí mềm khác liên quan đến 8 cụm điện mặt trời với tổng công suất 08MW với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm |
|-------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 101.265.146.668 | 19.101.519.996 | 73.072.746.672 | 9.090.880.000 |
| Vay dài hạn các cá nhân | 200.000.000 | - | - | 200.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 175.584.906.553 | 47.690.218.189 | 127.647.685.582 | 247.002.782 |
| Cộng | 277.050.053.221 | 66.791.738.185 | 200.720.432.254 | 9.537.882.782 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 63.700.000.000 | 9.101.520.000 | 36.406.080.000 | 18.192.400.000 |
| Vay dài hạn các cá nhân | 16.302.000.000 | - | 16.302.000.000 | - |
| Nợ thuê tài chính | 120.245.145.414 | 32.143.881.763 | 77.615.594.335 | 10.485.669.316 |
| Cộng | 200.247.145.414 | 41.245.401.763 | 130.323.674.335 | 28.678.069.316 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | Số cuối năm |
|--------------------------|------------------------|---------------------------------|------------------------------|---|------------------------|
| Vay dài hạn tổ chức khác | 54.598.480.000 | 39.999.999.992 | - | (12.434.853.320) | 82.163.626.672 |
| Vay dài hạn cá nhân | 16.302.000.000 | 200.000.000 | (16.302.000.000) | - | 200.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 88.101.263.651 | 88.475.174.000 | (1.238.534.000) | (47.443.215.287) | 127.894.688.364 |
| Cộng | 159.001.743.651 | 128.675.173.992 | (17.540.534.000) | (59.878.068.607) | 210.258.315.036 |

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Số đầu năm | Chi quỹ trong năm | Số cuối năm |
|-----------------|--------------------|---------------------|--------------------|
| Quỹ khen thưởng | 163.631.160 | - | 163.631.160 |
| Quỹ phúc lợi | 269.348.145 | (65.000.000) | 204.348.145 |
| Cộng | 432.979.305 | (65.000.000) | 367.979.305 |

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 2.109.418.735 | - |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | 1.703.459.115 | 2.109.418.735 |
| Số cuối năm | 3.812.877.850 | 2.109.418.735 |

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--------------------|--------------------------|--------------------------|
| Ông Doãn Tới | 718.050.000.000 | 718.050.000.000 |
| Ông Doãn Chí Thanh | 171.600.000.000 | 171.600.000.000 |
| Ông Doãn Chí Thiên | 121.599.990.000 | 171.599.990.000 |
| Các cổ đông khác | 260.028.760.000 | 210.028.760.000 |
| Cộng | 1.271.278.750.000 | 1.271.278.750.000 |

24c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 127.539.625 | 127.539.625 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 127.539.625 | 127.539.625 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 127.539.625 | 127.539.625 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | 411.750 | 411.750 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 411.750 | 411.750 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 127.127.875 | 127.127.875 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 127.127.875 | 127.127.875 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty Cổ phần Nam Việt đã chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2021 số 59/NQ.ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 6 năm 2021 với số tiền là 127.127.875.000 VND.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

25a. Ngoại tệ các loại

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 99.615,50 | 350.353,50 |
| Euro (EUR) | 3.860,55 | 3.905,31 |
| Dollar Úc (AUD) | 5.601,44 | 61,13 |

25b. Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|-----------------------|--------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------------|
| | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> | <u>Nguyên tệ</u> | <u>VND</u> |
| Khách hàng nước ngoài | 9.429.672,13 | 182.042.547.939 | 9.429.672,13 | 182.042.547.939 |
| Khách hàng trong nước | | 20.834.599.657 | | 20.834.599.657 |
| Cộng | | <u>202.877.147.596</u> | | <u>202.877.147.596</u> |

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 3.377.653.435.630 | 3.444.010.684.806 |
| Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời | 111.681.547.416 | 6.849.758.906 |
| Doanh thu khác | 15.090.938.744 | 26.637.942.378 |
| Cộng | <u>3.504.425.921.790</u> | <u>3.477.498.386.090</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | | |
| Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời | 5.478.478.406 | - |
| Doanh thu khác | 27.007.140 | 900.891.829 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 56.517.946.480 | 240.401.601.280 |
| Doanh thu khác | 545.377.500 | 10.155.500 |
| Ông Doãn Tới | | |
| Doanh thu khác | 42.746.921 | 4.547.305.434 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------|------------------------------|------------------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 3.398.856.125 | 23.673.654.279 |
| Giảm giá hàng bán | 7.100.744.391 | 15.160.372.127 |
| Cộng | <u>10.499.600.516</u> | <u>38.834.026.406</u> |

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 2.928.407.774.991 | 2.924.106.368.061 |
| Giá vốn của điện năng lượng mặt trời | 10.592.617.771 | 3.516.082.427 |
| Giá vốn khác | 1.826.525.195 | 26.214.618.024 |
| Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho | (214.061.978) | 156.033.312 |
| Cộng | <u>2.940.612.855.979</u> | <u>2.953.993.101.824</u> |

4. Doanh thu hoạt động tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 24.967.533.032 | 31.203.302.654 |
| Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 31.423.463 | 24.549.442 |
| Lãi tiền cho vay | 787.726 | 1.988.118 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 12.901.004.254 | 5.989.639.338 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 1.135.303.652 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 999.921.349 | 3.695.931.558 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 2.126.601.203 | 884.268.683 |
| Cộng | <u>41.027.271.027</u> | <u>42.934.983.445</u> |

5. Chi phí tài chính

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-------------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 102.959.352.877 | 61.916.606.514 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 7.167.585.513 | 7.080.430.198 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 1.977.941.031 | 30.540.092 |
| Lỗ nhượng bán, thanh lý các khoản đầu tư dài hạn | 1.862.257.600 | 695.599.110 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 786.583.999 | 8.630.094.195 |
| Chi phí tài chính khác | 592.073.706 | 1.677.595.542 |
| Cộng | <u>115.345.794.726</u> | <u>80.030.865.651</u> |

6. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.493.359.606 | 6.353.459.071 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 301.689.889 | 146.681.642 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 212.566.731 | 388.113.421 |
| Chi phí hoa hồng | 28.637.825.335 | 45.852.463.353 |
| Chi phí vận chuyển | 206.558.269.734 | 94.312.129.428 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 35.975.909.738 | 33.255.935.527 |
| Các chi phí khác | 2.777.319.023 | 4.954.631.297 |
| Cộng | <u>280.956.940.056</u> | <u>185.263.413.739</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 28.698.656.935 | 28.300.461.299 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 4.835.376.768 | 1.236.016.066 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.156.788.872 | 893.861.512 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.714.173.984 | 1.807.327.594 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.641.382.178 | 5.334.505.975 |
| Dự phòng nợ phải thu khó đòi | 22.986.991 | 4.439.296.361 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 3.283.767.258 | 3.059.541.518 |
| Các chi phí khác | 11.120.919.879 | 11.490.824.305 |
| Cộng | <u>56.474.052.865</u> | <u>56.561.834.630</u> |

8. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 397.106.814 | 288.013.336 |
| Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng | 7.563.392.545 | 10.323.533.563 |
| Xử lý công nợ tồn lâu | 507.502.631 | - |
| Thu từ ngân sách nhà nước tiền hỗ trợ dự án đầu tư | - | 23.000.000.000 |
| Thu nhập khác | 1.682.548.954 | 1.436.155.242 |
| Cộng | <u>10.150.550.944</u> | <u>35.047.702.141</u> |

9. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tiền nộp phạt vi phạm hành chính | - | 8.548.568 |
| Thuế bị phạt, truy thu | 32.753.977 | - |
| Chi phí khác | 348.723.367 | 865.116.828 |
| Cộng | <u>381.477.344</u> | <u>873.665.396</u> |

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 128.739.197.732 | 202.170.290.929 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 128.739.197.732 | 202.170.290.929 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 127.127.875 | 127.127.875 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>1.013</u> | <u>1.590</u> |

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.936.297.401.374 | 2.685.263.067.648 |
| Chi phí nhân công | 534.555.238.861 | 572.815.779.170 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 122.889.821.438 | 89.772.285.186 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 492.945.242.041 | 418.897.119.807 |
| Chi phí khác | 58.213.169.868 | 87.069.487.759 |
| Cộng | <u>3.144.900.873.582</u> | <u>3.853.817.739.570</u> |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|----------------|------------------|
| Tạm tăng tài sản thuê tài chính bằng cách nhận nợ | - | 20.772.887.429 |
| Kết chuyển nợ phải trả thành nợ thuê tài chính | 17.784.208.824 | - |
| Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính | 66.959.090.909 | 105.159.183.338 |
| Thuế VAT khấu trừ thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính | 6.695.909.091 | 8.952.892.770 |
| Kết chuyển tiền thuế GTGT tăng tài sản cố định | 13.285.417.302 | - |

Số dư các khoản công nợ liên quan đến tài sản cố định như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ | 15.979.834.681 | 79.428.007.697 |
| Ứng trước mua tài sản | 4.744.180.964 | 2.819.236.729 |
| Bán tài sản cố định chưa thu tiền | - | 20.772.887.429 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành, quản lý (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Các thành viên chủ chốt | | |
| <i>Ông Doãn Tới</i> | | |
| Tập đoàn đi vay | 517.336.250.000 | 70.813.000.000 |
| Tập đoàn chia cổ tức | 71.805.000.000 | 139.110.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 24.113.253.052 | - |
| <i>Ông Doãn Chí Thanh (*)</i> | | |
| Tập đoàn chia cổ tức | - | 34.320.000.000 |
| Vay | - | 71.302.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 1.509.861.308 | 192.860.712 |
| Tạm ứng | 500.000.000 | - |
| <i>Bà Dương Thị Kim Hương</i> | | |
| Vay | - | 125.000.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 7.379.206.917 | - |
| <i>Ông Doãn Chí Thiên (*)</i> | | |
| Tập đoàn chia cổ tức | - | 34.319.998.000 |
| Vay | 40.500.000.000 | 17.000.000.000 |
| Lãi vay phải trả | 518.308.723 | - |
| <i>Các thành viên chủ chốt khác</i> | | |
| Tạm ứng | 510.000.000 | 329.700.000 |
| Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| <i>Ông Doãn Chí Thanh</i> | | |
| Công ty chia cổ tức | 17.160.000.000 | - |
| <i>Ông Doãn Chí Thiên</i> | | |
| Công ty chia cổ tức | 12.159.999.000 | - |
| Lãi vay | 647.366.259 | - |

(*) Các thành viên chủ chốt này được miễn nhiệm từ ngày 30 tháng 6 năm 2021 nên công bố giao dịch chỉ trong 6 tháng đầu năm 2021.

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.19, V.20 và V.21.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm toán nội bộ

| | <u>Cộng thu nhập</u> |
|--|----------------------|
| Năm nay | |
| Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc | 767.539.393 |
| Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 311.986.281 |
| Ông Trần Minh Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc - Bỏ nhiệm TV HĐQT ngày 30/6/2021 | 510.498.563 |
| Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc | 447.115.774 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---|-----------------------------|
| Ông Doãn Chí Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021 | 317.807.070 |
| Ông Doãn Chí Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị - Miễn nhiệm ngày 30/6/2021 | 518.228.393 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập | 120.000.000 |
| Bà Doãn Hải Phượng – Thành viên độc lập | 120.000.000 |
| Bà Dương Thị Kim Hương – Phó Tổng Giám đốc | 105.639.615 |
| Ông Lê Tiến Dũng - Trưởng Ban kiểm toán nội bộ | 208.758.588 |
| Ông Dương Minh Phong - Thành viên Ban kiểm toán nội bộ | 263.007.130 |
| Ông Nguyễn Trọng Hữu – Thành viên Ban kiểm toán nội bộ | 4.000.000 |
| Ông Nguyễn Anh Đức - Kế toán trưởng - Miễn nhiệm ngày 12/5/2021 | 55.028.988 |
| Bà Huỳnh Thị Kim Thoa – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng | 658.785.379 |
| Cộng | <u>4.408.395.174</u> |

| | <u>Cộng thu nhập</u> |
|---|-----------------------------|
| Năm trước | |
| Ông Đỗ Lập Nghiệp – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc | 785.712.305 |
| Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | 534.064.638 |
| Ông Nguyễn Duy Nhứt – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc | 502.728.923 |
| Ông Trần Minh Cảnh – Phó Tổng Giám đốc | 454.662.627 |
| Ông Nguyễn Văn Vỹ – Phó Tổng Giám đốc | 472.863.706 |
| Ông Doãn Chí Thanh – Thành viên Hội đồng quản trị | 707.626.638 |
| Ông Doãn Chí Thiên – Thành viên Hội đồng quản trị | 690.593.638 |
| Bà Nguyễn Thị Minh Ý – Thành viên độc lập | 120.000.000 |
| Bà Doãn Hải Phượng – Thành viên độc lập | 120.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Ngọc – Thành viên độc lập | 60.000.000 |
| Ông Dương Minh Phong – Trưởng ban kiểm toán nội bộ | 221.065.799 |
| Ông Lê Tiến Dũng – Thành viên ban kiểm toán nội bộ | 184.914.799 |
| Ông Nguyễn Trọng Hữu – Thành viên ban kiểm toán nội bộ | 135.926.248 |
| Bà Huỳnh Thị Kim Thoa – Kế toán trưởng | 697.232.711 |
| Cộng | <u>5.687.392.032</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| <u>Bên liên quan khác</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--|
| Công ty TNHH Amicogen Nam Việt | Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát |
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | Công ty cùng chủ đầu tư |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed | Công ty do con của Tổng Giám đốc thành lập |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Công ty TNHH Đại Tây Dương | | |
| Mua sản phẩm, vật tư | - | 98.724.654 |
| Mua tài sản | - | 760.000.000 |
| Thuê kho, tiền điện | 18.356.669.496 | 14.336.115.627 |
| Phí sử dụng hạ tầng | 484.814.022 | 491.886.150 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Navifeed | | |
| Lãi bán hàng trả chậm | 302.392.970 | 2.300.498.251 |

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-----------------------------------|----------------|------------------|
| <i>Công ty TNHH Đại Tây Dương</i> | | |
| Dịch vụ khác | 57.272.725 | 222.449.997 |
| Thu hộ | 1.303.434 | 5.575.217 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.6, V.15, V16 và V.21.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Xuất khẩu | 2.390.892.068.871 | 2.169.663.773.990 |
| Trong nước | 1.103.034.252.403 | 1.269.000.585.694 |
| Cộng | <u>3.493.926.321.274</u> | <u>3.438.664.359.684</u> |

Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh chính là sản xuất chế biến thủy sản chiếm tỷ lệ 96% trên tổng doanh thu của Tập đoàn.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



Cao Thị Kim Thơ
Người lập biểu



Huỳnh Thị Kim Hoa
Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT


Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|---------------------------|-------------------------|-------------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 1.275.396.250.000 | 21.489.209.100 | (27.587.629.848) | 1.116.761.933.239 | 2.386.059.762.491 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | 202.170.290.929 | 202.170.290.929 |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (254.255.750.000) | - |
| Số dư cuối năm trước | 1.275.396.250.000 | 21.489.209.100 | (27.587.629.848) | 1.064.676.474.168 | 2.333.974.303.420 |
| Số dư đầu năm nay | 1.275.396.250.000 | 21.489.209.100 | (27.587.629.848) | 1.064.676.474.168 | 2.333.974.303.420 |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | 128.739.197.732 | 128.739.197.732 |
| Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | (127.127.875.000) | - |
| Số dư cuối năm nay | 1.275.396.250.000 | 21.489.209.100 | (27.587.629.848) | 1.066.287.796.900 | 2.335.585.626.152 |


Cao Thi Kim Tho
Người lập

Huỳnh Thị Kim Thoa
Giám đốc tài chính

Trần Minh Cảnh
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2022



Số : 910 /CV-KTTC

An Giang, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
hợp nhất năm 2021 so với cùng kỳ năm trước"

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2021 lãi 128,7 tỷ đồng, giảm 73,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất năm 2021 tăng 55,2 tỷ so với cùng kỳ năm trước, dẫn đến lợi nhuận gộp hợp nhất tăng 68,6 tỷ tương đương 14,2% so với cùng kỳ năm trước.
- Tuy nhiên:
 - + Chi phí tài chính tăng 35,3 tỷ (44%) so với cùng kỳ năm trước.
 - + Chi phí bán hàng tăng 95,7 tỷ (51,7%) so với cùng kỳ năm trước (chủ yếu là chi phí cước tàu, chi phí vận chuyển tăng nhiều).

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

ICT. **TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh